

Chương 1

NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.1. Quan niệm chung về “chủ nghĩa xã hội” và “chủ nghĩa xã hội khoa học”.

1.1.1. Quan niệm chung về “chủ nghĩa xã hội” (Socialism)

Khái niệm “chủ nghĩa xã hội” có ý nghĩa rộng hơn so với “chủ nghĩa xã hội khoa học”. có nhận thức đúng và đầy đủ hơn về khái niệm “chủ nghĩa xã hội” mới hiểu rõ khái niệm “chủ nghĩa xã hội khoa học” với tư cách là lý luận, một môn khoa học nằm trong hệ thống lý luận Mác – Lênin (hay chủ nghĩa Mác – Lênin).

Người đầu tiên đưa ra danh từ “chủ nghĩa xã hội” (gắn với cái “gốc” là xu hướng xã hội hóa sản xuất) và tính từ “xã hội chủ nghĩa” là ông Pie Lor Rút – người Pháp (trước C.Mác vài thế kỷ). Ngày nay chúng ta nói “xây dựng chủ nghĩa xã hội” tương đương với cách nói “xây dựng xã hội chủ nghĩa”.

“Chủ nghĩa xã hội” là khái niệm được hiểu với nhiều nghĩa khác nhau. Một cách khái quát nhất, “chủ nghĩa xã hội” có các ý nghĩa sau:

- Là ước mơ, lý tưởng của nhân dân lao động về một xã hội tốt đẹp (không có chế độ tư hữu về TLSX, giai cấp, áp bức, bóc lột, bất công, nghèo nàn, lạc hậu, chiến tranh, và tội ác,...).
- Là phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị.
- Là những tư tưởng, lý luận, học thuyết về sự nghiệp giải phóng con người, giải phóng xã hội khỏi chế độ tư hữu về TLSX, áp bức, bóc lột, bất công, nghèo nàn, lạc hậu,... về xây dựng một xã hội mới dân chủ, văn minh, hạnh phúc.
- Là một chế độ chính trị - xã hội mà nhân dân lao động đang tiến hành xây dựng trên thực tế dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (Chế độ XHCN ở Liên xô, Đông Âu, Việt Nam, Trung Quốc, Lào, Cu Ba, Triều tiên, Venezuela).

1.1.2. Quan niệm về “chủ nghĩa xã hội khoa học” (Scientific Socialism)

- Với ý nghĩa là tư tưởng, lý luận thì “chủ nghĩa xã hội khoa học” nằm trong quá trình phát triển chung của sản phẩm tư tưởng, lý luận mà loài người đã sản sinh ra. Đặc biệt, trong lĩnh vực khoa học xã hội và chính trị - xã hội thì “chủ nghĩa xã hội khoa học” được coi là một

trong những đỉnh cao nhất. “Chủ nghĩa xã hội khoa học” cũng nằm trong quá trình lịch sử phát triển các tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại. “Chủ nghĩa xã hội khoa học” đã kế thừa, phát triển những giá trị tích cực của chủ nghĩa xã hội khoa học không tưởng, loại bỏ yếu tố không tưởng, tìm ra cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn của những tư tưởng xã hội chủ nghĩa (tập trung nhất ở tính khoa học là tìm ra được những quy luật của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội).

- Trong chủ nghĩa Mác - Lênin: “Chủ nghĩa xã hội khoa học” là một trong 3 bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, *theo nghĩa hẹp* thì “Chủ nghĩa xã hội khoa học” là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin. “Chủ nghĩa xã hội khoa học” là biểu hiện về mặt lý luận của phong trào công nhân. Là khoa học đấu tranh giai cấp để giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng người lao động và giải phóng xã hội thoát khỏi tình trạng áp bức bóc lột.

Theo nghĩa rộng, (theo V.I. Lênin) thì “chủ nghĩa xã hội khoa học” tức là chủ nghĩa Mác - Lênin (gồm cả 3 bộ phận). Vì suy cho cùng cả ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin đều luận giải tính tất yếu lịch sử là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa gắn với sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thông qua chính Đảng của nó. Trong đó, “chủ nghĩa xã hội khoa học” là bộ phận trực tiếp luận giải về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Với ý nghĩa đó, có thể gọi toàn bộ chủ nghĩa Mác-Lênin (gồm cả 3 bộ phận) là “chủ nghĩa xã hội khoa học”. Trong khuôn khổ môn học này, “chủ nghĩa xã hội khoa học” được hiểu theo nghĩa hẹp.

1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Sự xuất hiện CNXH KH là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử tư tưởng XHCN. Đó là kết quả tất yếu của sự phát triển lịch sử tư tưởng XHCN và khoa học của nhân loại, trong sự phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội, mà trực tiếp là thực tiễn đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Đó cũng là kết quả của sự thống nhất giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của C.Mác và Ph.Ăngghen.

1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội.

Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng công nghiệp. Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử với tính cách một lực

lượng chính trị - xã hội độc lập là nhân tố chính trị - xã hội quan trọng cho sự ra đời CNXH KH. Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời CNXH KH.

- Đầu thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ tạo nên nền đại công nghiệp. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc. Quá trình ấy, dẫn đến sự ra đời hai giai cấp cơ bản, đối lập về lợi ích: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Nhiều phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản diễn ra nhưng đều có kết cục thất bại nặng nề.

- Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới, tiến bộ - CNXH KH.

1.2.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận.

a. Tiền đề khoa học tự nhiên:

Đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực khoa học. Trong khoa học tự nhiên có những phát minh có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ra đời và phát triển của CNXH KH là: *Học thuyết tiến hóa; Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; Thuyết tế bào*. Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

b. Tiền đề tư tưởng lý luận:

Cùng với những thành tựu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, trong khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó, phải kể đến: *Triết học cổ điển Đức; Kinh tế chính trị học cổ điển Anh; Chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán...* đã trở thành tiền đề lý luận trực tiếp cho sự hình thành CNXH KH.

1.3. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen.

CNXH KH xuất hiện không chỉ là kết quả của sự vận động và phát triển có tính quy luật của các nhân tố khách quan mà còn được hình thành thông qua vai trò của nhân tố chủ quan.

Thiên tài và hoạt động thực tiễn không biết mệt mỏi của C.Mác và Ph.Ăngghen, lập trường

giai cấp công nhân và tình cảm đặc biệt của hai ông đối với nhân dân lao động, hoà quyện với tình bạn vĩ đại của hai nhà cách mạng đã kết tinh thành nhân tố chủ quan cho sự ra đời của CNXH KH.

Hai ông là những thiên tài kiệt xuất có sự kết hợp nhuần nhuyễn và sâu sắc những phẩm chất tinh túy và uyên bác nhất của nhà bác học và nhà cách mạng. Chiều sâu của tư duy triết học, chiều rộng của nhãn quan khoa học, quan điểm sáng tạo trong việc giải quyết những nhiệm vụ do thực tiễn đặt ra là phẩm chất đặc biệt nổi bật của hai ông.

Cũng như C.Mác, Ph.Ăngghen (1820 - 1895), ngay từ thời trai trẻ đã tỏ ra có năng khiếu đặc biệt và nghị lực nghiên cứu, học tập phi thường. C.Mác tìm thấy ở Ph.Ăngghen một người cùng tư tưởng, một người bạn nhất mực trung thủy và một người đồng chí trợ lực gắn bó mật thiết trong sự nghiệp chung. V.I.Lênin "Giai cấp vô sản châu Âu có thể nói rằng khoa học của mình là tác phẩm sáng tạo của hai bác học kiêm chiến sĩ mà tình bạn đã vượt xa tất cả những gì là cảm động nhất trong những truyền thuyết của đời xưa kể về tình bạn của con người".

1.3.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường

Khi bước vào hoạt động khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học của Hêghen (mang quan điểm duy tâm) và Phoiơbắc (mang năng quan điểm siêu hình).

Thông qua lao động khoa học nghiêm túc, công phu, đồng thời thông qua hoạt động thực tiễn tích cực không mệt mỏi, C.Mác và Ph.Ăngghen đã thực hiện một bước chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị - từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Chỉ đứng trên lập trường giai cấp công nhân mới đưa ra được quan điểm duy vật lịch sử mà những người bị hạn chế bởi lập trường giai cấp cũ không thể đưa ra được; mới làm cho nghiên cứu khoa học thực sự trở thành niềm say mê nhận thức nhằm giải đáp vấn đề giải phóng con người, giải phóng giai cấp, giải phóng nhân loại. Nếu không có sự chuyển biến này thì chắc chắn sẽ không có CNXH KH.

1.3.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen.

a. Học thuyết duy vật lịch sử - cốt lõi nhất là học thuyết hình thái KT – XH. *(vì sao các hình thái KT-XH lại thay thế nhau?)*.

Trên cơ sở kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng và lọc bỏ quan điểm duy

tâm, thần bí của Triết học Hêghen; kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của Triết học Phoiobắc, đồng thời nghiên cứu nhiều thành tựu khoa học tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập ra CNDV biện chứng, thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Bằng phép biện chứng duy vật, nghiên cứu CNTB, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập ra CNDV lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của CNTB và sự thắng lợi của CNXH đều tất yếu như nhau.

b. Học thuyết giá trị thặng dư (*Bí quyết của phương thức sản xuất TBCN là gì?*).

Từ việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã sáng tạo ra bộ “Tư bản”, mà giá trị to lớn nhất là “Học thuyết về giá trị thặng dư” – phát kiến vĩ đại thứ hai C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về phương diện kinh tế sự diệt vong không tránh khỏi của CNTB và sự thắng lợi của CNXH là tất yếu như nhau.

c. Học thuyết sứ mệnh lịch sử thế giới của GCCN (*họ là ai và họ làm gì về mặt lịch sử?*)

Trên cơ sở hai phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có phát kiến vĩ đại thứ ba, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu CNTB, xây dựng thành công CNXH và CNCS.

Với phát kiến này, những hạn chế có tính lịch sử của CNXH không tưởng – phê phán đã được khắc phục một cách triệt để; đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị - xã hội của sự diệt vong không tránh khỏi của CNTB và sự ra đời tất yếu của CNXH.

1.3.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của CNXH KH.

Được sự uỷ nhiệm của những người cộng sản và công nhân quốc tế, ngày 24 tháng 2 năm 1848, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới.

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” là tác phẩm kinh điển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học. Sự ra đời của tác phẩm vĩ đại này đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác bao gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” còn là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người vĩnh viễn thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột giai cấp, bảo đảm cho loài người được thực sự sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Chính “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và lô gic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học; tiêu biểu và nổi bật là những luận điểm:

- Cuộc đấu tranh của giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp. Song, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức thành chính đảng của giai cấp, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Lôgic phát triển tất yếu của xã hội tư bản và cũng là của thời đại tư bản chủ nghĩa đó là sự sụp đổ của CNTB và sự thắng lợi của CNXH là tất yếu như nhau.

- Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng CNXH, CNCS.

- Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống CNTB, cần thiết phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là CNCS. Những người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng nhưng phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết.

2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CNXH KH.

2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXH KH

- Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)
- Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895

2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXH KH trong điều kiện mới

- Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)
- Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1924)

2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay.

3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CNXHKKH.

3.1. Đối tượng nghiên cứu của CNXH KH.

Chủ nghĩa xã hội khoa học lấy lĩnh vực chính trị - xã hội của đời sống xã hội làm khách thể nghiên cứu. Cùng một khách thể, có thể có nhiều khoa học nghiên cứu. Lĩnh vực chính trị - xã hội là khách thể nghiên cứu của: Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nhà nước và Pháp luật, Luật học, Xã hội học, Xây dựng Đảng... Sự phân biệt Chủ nghĩa xã hội khoa học với các khoa học chính trị- xã hội trước hết là ở đối tượng nghiên cứu.

- *Triết học Mác - Lênin*: Nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Kết luận khoa học của Triết học Mác - Lênin là HTKT – XH TBCN tất yếu bị phủ định và thay thế bởi HTKT – XH CSCN. Triết học Mác - Lênin chưa chỉ ra: giai cấp, con đường, biện pháp thực hiện quá trình đó.

- *Kinh tế chính trị Mác – Lênin*: Nghiên cứu các quy luật kinh tế - quy luật về mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng (các loại QHSX). Vai trò của Kinh tế chính trị Mác - Lênin là cung cấp cơ sở lý luận (cơ sở kinh tế) cho CNXH KH. Kết luận khoa học của Kinh tế chính trị Mác - Lênin là về kinh tế CNTB tất yếu bị phủ định và thay thế bởi CNXH. Kinh tế chính trị Mác - Lênin chưa chỉ ra giai cấp, con đường biện pháp thực hiện.

- Với tư cách là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin, CNXH KH học thuyết chính trị - xã hội trực tiếp nghiên cứu, luận chứng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những điều kiện, những con đường để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. CNXH KH chỉ ra những luận cứ chính trị - xã hội rõ ràng, trực tiếp nhất để chứng minh, khẳng định sự thay thế tất yếu của CNTB bằng CNXH, khẳng định sứ mệnh lịch sử của GCCN, chỉ ra những con đường, các hình thức và biện pháp để tiến hành cải

tạo xã hội theo hướng CNXH, CNCS.

Như vậy, CNXH KH là sự tiếp tục một cách lôgic triết học và kinh tế chính trị học mácxít, là sự biểu hiện trực tiếp mục đích và hiệu lực chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn.

Một cách khái quát có thể xem: nếu như Triết học và Kinh tế chính trị luận giải về phương diện triết học, kinh tế học tính tất yếu, những nguyên nhân khách quan, những điều kiện để thay thế CNTB bằng CNXH thì CNXH KH là khoa học đưa ra câu trả lời: bằng con đường nào để thực hiện bước chuyển biến đó. CNXH KH có chức năng chỉ ra con đường thực hiện bước chuyển biến từ CNTB lên CNXH bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Có thể khái quát, đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học:

Là những qui luật, tính qui luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; Những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

3.2. Phương pháp nghiên cứu của CNXH

- CNXH KH sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin.

- CNXH KH cũng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể hơn và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp.

Phương pháp kết hợp lịch sử - lôgic: Phải trên cơ sở những tư liệu thực tiễn của các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học – tức là rút ra được lôgic của lịch sử, không dừng lại ở sự liệt kê sự thật lịch sử.

Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể: Khi nghiên cứu, khảo sát thực tế, thực tiễn một xã hội cụ thể, phải luôn có sự nhạy bén về chính trị - xã hội trước tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội, trong nước và quốc tế.

Phương pháp so sánh: nhằm làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt trên phương

diện chính trị- xã hội giữa phương thức sản xuất TBCN và XHCN; giữa các loại hình thể chế chính trị và giữa các chế độ dân chủ, dân chủ TBCN và XHCN... phương pháp so sánh còn được thực hiện trong việc so sánh các lý thuyết, mô hình xã hội chủ nghĩa.

Các phương pháp có tính liên ngành: để nghiên cứu những khía cạnh chính trị - xã hội của các mặt hoạt động trong một xã hội còn giai cấp, đặc biệt là trong CNTB và trong CNXH, trong đó có thời kỳ quá độ lên CNXH.

Phương pháp tổng kết lý luận từ thực tiễn: từ thực tiễn được tổng kết, đúc ra những kết luận về lý luận. Để từ đó quay lại chỉ đạo các hoạt động thực tiễn.

3. 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH KH.

a. Về mặt lý luận:

Hoàn chỉnh việc nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin:

- Nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là phải chú ý cả ba bộ phận hợp thành nó. Nếu không chú ý nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển CNXH KH sẽ làm cho triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin dễ chệch hướng chính trị - xã hội, trước hết và chủ yếu là chệch hướng bản chất, mục tiêu là CNXH, CNCS, giải phóng con người, giải phóng xã hội.

Trang bị những nhận thức chính trị - xã hội:

- Nghiên cứu, học tập CNXH KH có ý nghĩa *trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học* cho Đảng, Nhà nước và nhân dân trong quá trình bảo vệ và xây dựng CNXH.

- Có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về CNXH: *để có niềm tin, lý tưởng và bản lĩnh cách mạng; để vận dụng sáng tạo và phát triển đúng đắn lý luận về CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

- Trí thức, thế hệ trẻ là lực lượng xã hội có nhiều trí tuệ, nhiều khả năng và tâm huyết trong quá trình xây dựng CNXH. Nếu chỉ thuần túy chú trọng về khoa học và công nghệ, phi chính trị, hay mơ hồ về chính trị thì khó có thể đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Định hướng chính trị - xã hội:

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần *định hướng chính trị - xã hội* cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước và nhân dân trên mọi lĩnh vực, cho sự

ổn định và phát triển của xã hội luôn đúng với bản chất, mục tiêu của CNXH, CNCS; tức là qua từng nấc thang phát triển, tính chất XHCN, CSCN của mọi lĩnh vực của xã hội thể hiện ngày càng rõ hơn và hoàn thiện hơn.

Đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH:

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng làm cho ta có căn cứ nhận thức khoa học để *luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại* những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước, chế độ ta; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

b. Về mặt thực tiễn:

Nghiên cứu, học tập CNXH KH giúp chúng ta nhận thấy khoảng cách nhất định giữa lý luận với thực tiễn.

Bất kỳ một lý thuyết khoa học nào, đặc biệt là các khoa học xã hội, bao giờ cũng có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là những dự báo khoa học có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học lại càng thấy rõ những khoảng cách đó. Trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh CNXH. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, cùng với thoái trào của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác-Lênin của nhiều người có giảm sút. Vì thế, nghiên cứu, học tập và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay và cũng có ý nghĩa chính trị cấp bách.

Chỉ có bản lĩnh vững vàng và sự sáng suốt, kiên định chủ động sáng tạo tìm ra những nguyên nhân cơ bản và bản chất của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới có thể đi tới kết luận chuẩn xác rằng: *không phải do chủ nghĩa xã hội – một xu thế xã hội hoá mọi mặt của nhân loại; cũng không phải do chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học... làm các nước xã hội chủ nghĩa khủng hoảng.*

Trái lại, chính là do các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thức và hành động trên nhiều vấn đề trái với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin... đã giáo điều, chủ quan duy ý chí, bảo thủ, kể cả việc đổ ky, xem nhẹ những thành quả chung của nhân loại, trong đó có chủ nghĩa tư

bản; đồng thời do xuất hiện chủ nghĩa cơ hội – phản bội trong một số đảng cộng sản và sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình đã làm cho chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào.

Thấy rõ thực chất những vấn đề đó một cách khách quan, khoa học; đồng thời được minh chứng bởi thành tựu rực rỡ của sự nghiệp đổi mới, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, chúng ta càng củng cố bản lĩnh kiên định, tự tin tiếp tục sự iệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng XHCN.

Chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần quan trọng việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng XHCN và con đường đi lên CNXH.

Niềm tin khoa học được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nhận thức khoa học, thông qua giáo dục, hoạt động thực tiễn mà niềm tin được hình thành, phát triển. Niềm tin khoa học là sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí và quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng.